

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮK LẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BC7N-TTBVT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật hại cây trồng tuần 19
(Từ ngày 04 đến ngày 10 tháng 5 năm 2022)

Kính gửi :

- Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Trung bình: 26-28⁰C; Thấp nhất: 23 - 25⁰C; Cao nhất: 31-33⁰C.
- Nhận xét khác: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa rào nhẹ vài nơi. Gió đông bắc cấp 2-3.
- So với TBNN: Lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn; nhiệt độ đạt xấp xỉ và cao hơn.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Đông xuân 2021-2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích thực hiện (ha)
Lúa nước	Trổ - chín - thu hoạch	44.854/39.000
Ngô	Chín - Thu hoạch	3.407/2.860
Khoai lang	Hình thành củ- tạo tinh bột- thu hoạch	2.801/2.050
Đậu các loại	Thu hoạch	1.234/1.150
Rau các loại	Các giai đoạn	4.277/3.760
Thuộc lá	Phát triển thân lá- Thu hoạch rải rác	833/680
Sắn	Phát triển thân lá	1.834/2.300
Mía	PTTL	1.015/1.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	3.468/2.340
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả non	213.336
Cây tiêu	Thu hoạch	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả non	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.006

2.2. Tiến độ thu hoạch Đông xuân 2021-2022

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Đông xuân thu hoạch được với tổng diện tích 42.929 ha/63.723 ha

diện tích thực hiện, đạt 67,21 %. Trong đó, lúa nước 28.264 ha/44.854 ha diện tích thực hiện, đạt 63,01%; ngô 2.952 ha/3.407 ha diện tích thực hiện, đạt 86,65%; khoai lang 1.801 ha/2.801 ha diện tích thực hiện, đạt 64,30%; rau các loại 4.277 ha/4.277 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; đậu các loại 1.234 ha/ 1.234 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; thuốc lá 833 ha/833 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; cây hàng năm khác 3.468ha/3.468 ha diện tích thực hiện, đạt 100 % (dưa hấu 619 ha, cỏ 1.144 ha, cây khác 1.750 ha).

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 07 NGÀY QUA

*** Nhóm cây công nghiệp lâu năm**

1. Cây cà phê:

Rệp sáp TLH 5-26%, DTN 45ha (Krông Búk, EaKar, CưKuin, TX Buôn hồ, Krông Pắc) tăng 29 ha so với kỳ trước; Rệp vảy nâu, canh TLH 6-25% DTN 15ha (TX Buôn Hồ, Krông Pắc). Bệnh gỉ sắt TLH 8-25%, DTN 24 ha (Krông Búk, EaKar, Tx. Buôn Hồ) tăng 24 ha so với kỳ trước; Bệnh khô cành TLH 5-20%, DTN 27 ha (Krông Búk, Tx. Buôn Hồ, EaKar, Cư Kuin) tăng 18ha so với kỳ trước. Mọt đục cành TLH 1-25%, DTN 15ha (Tx. Buôn Hồ, EaKar); Bệnh đen hạt TLH 3-6% DTN 02ha (Krông Năng). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

2. Cây hồ tiêu:

Bệnh chết chậm TLH 5-20%, DTN 96 ha (Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng, Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar Krông Búk) giảm 91ha so với kỳ trước; Bộ xít dài TLH 5-15% DTN 05ha (Krông Năng). Bệnh chết nhanh TLH 1-15% DTN 45ha (Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông pak); Bệnh đốm tảo TLH 5-35%, DTN 19 ha (Krông Buk, EaKar) tăng 15 ha so với kỳ trước; Tuyến trùng TLH 6-15% DTN 01ha (CưKuin, TX Buôn Hồ) tăng 09ha so với kỳ trước. Bệnh thán thư TLH: 5-17 DTN 04ha (Krông Pắc). Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

3. Cây Điều: Bộ xít muối TLH 5-28%, DTN 33ha (Kr.Buk, EaKar, CưKuin) tăng 21ha so với kỳ trước; Bệnh thán thư TLH 5-10%, DTN 08ha (Kr.Buk) giảm 13ha so với kỳ trước. Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

4. Cây ca cao: Bộ xít muối TLH 15-30% DTN 08ha (EaKar); Bệnh khô vỏ thân TLH 8-30% DTN 04ha (EaKar) và các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây ăn quả**

5. Cây có múi (cam, quýt): Sâu vẽ bùa TLH 5-25% DTN 12ha (EaKar); Bệnh Greening TLH 15-30% DTN 05ha (EaKar); Bệnh vàng lá thối rễ TLH 15-35% DTN 03ha (EaKar) và các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

6. Cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 3-25% DTN 26,5 ha (Krông Búk, Ea Kar, Krông pak) tăng 10,5ha so với kỳ trước. Bệnh đốm rong TLH 3-35% DTN 16ha (Tx. Buôn Hồ, Ea Kar, Krông pak). Bệnh thán thư TLH 5-23% DTN 09ha (Tx. Buôn Hồ, Krông pak). Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

7. Cây vải: Rệp sáp TLH 10-20 DTN 05ha (EaKar); Ruồi đục quả TLH 10-25% DTN 05ha (EaKar); Bệnh thán thư TLH 8-20% DTN 03ha (EaKar). Sâu đục cuống quả TLH 1-5% DTN 03ha (Krông Năng).

8. Cây Bơ: Sâu ăn lá TLH 3-7% DTN 03ha (Tx. Buôn Hồ)

***Nhóm cây lương thực**

9. Cây lúa: Sâu đục thân (dảnh héo, bông bạc) TLH 3-5% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh bạc lá (cháy bìa) TLH 3-10% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh đạo ôn lá TLH 4-6% DTN 5,5ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh đen lép hạt TLH 2-25% DTN 07ha (EaKar). Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

10. Cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 15-35% DTN 06ha (EaKar)

*** Cây công nghiệp ngắn ngày**

11. Cây sắn: Khảm lá virus TLH 5-90% DTN 53 ha (Ea Súp) tương đương so với kỳ trước. Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây rau màu:**

12. Cây rau cải ăn lá: Sâu khoang MĐ 5-7 con/m², DTN 01 ha (Curduow Sâu xanh bướm trắng TLH 2-20%, DTN 3.3ha (Eakar, TX Buôn Hồ). Sâu tơ TLH 12-25% DTN 1.8ha (EaKar, Tx. Buôn Hồ). Bọ nhảy TLH 3-6% DTN 0.5ha (Tx. Buôn Hồ). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cây ớt: Bệnh khảm lá TLH 10-20%% DTN 03ha (EaKar). Bệnh thán thư TLH 10-20% DTN 03ha (EaKar).

III. DỰ KIẾN SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn cổ bông, nghệt rễ bạc lá, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông xuân muộn giai đoạn chín - thu hoạch và các loại sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

2. Trên rau các loại: Bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội...gây hại chủ yếu trên các loại rau ăn lá ở nhiều giai đoạn.

3. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa thu... tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại trên ngô, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

4. Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp vảy nâu, rệp vảy xanh, mọt đục cành, bệnh rỉ sắt gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả non.

5. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng hại rễ... có khả năng phát sinh và gây hại tăng, chủ yếu trên các vườn tiêu giai đoạn chắc quả, chín, hại nặng cục bộ trên những vườn cây lâu năm chăm sóc kém.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá,...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành... tiếp tục phát sinh gây hại. Thời gian tới cần đặc biệt chú ý và quản lý tốt bệnh thán thư trên những diện tích Điều giai đoạn quả non.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, rệp bông xơ trắng, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây rừng trồng: Bệnh chết héo, sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

12. Cây sầu riêng, cam quýt, bơ, vải: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng có khả năng tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt, bệnh đốm nâu thanh long, sâu tiện vỏ, nhện đỏ, bệnh sẹo, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật căn cứ Văn bản số 1217/SNN-BVTVTBVT, ngày 29/4/2022 về việc triển khai kế hoạch sản xuất và hướng dẫn khung lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Hè thu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Chú ý các điều tra, báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa:**

- Hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nắm bắt tình hình phát hiện bệnh đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông Xuân 2021-2022 giai đoạn chín – thu hoạch để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:**

Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020 và công văn số 3749/BVTV-QLT ngày 27/12/2019 của Cục BVTV Về việc sử dụng tạm thời thuốc phòng trừ sâu keo mùa thu hại ngô..

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác như gỉ sắt, thối nứt thân, tuyến trùng, mọt đục cành...

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến và hướng dẫn người dân phòng chống bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ... Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc hồ tiêu.

*** Trên cây sắn:** Hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus,

không sử dụng cây bị bệnh làm giống. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; chủ động hướng dẫn phòng trừ rệp sáp bột hồng hại sắn.

* **Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

* **Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

* **Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

* **Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm; Bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV.

- Củng cố hệ thống bẫy đèn, mạng thông tin nhằm phục vụ cho công tác Dự tính dự báo và chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Đông Xuân 2021-2022 giai đoạn cuối và xây dựng phương án, kế hoạch tập huấn năm 2022 nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lãnh đạo CC;
- CC.TTBVTV Gia Lai;
- Các trạm TT&BVTV huyện, Tx, Tp (t/h);
- Trang Web (CC.TT&BVTV);
- Lưu VT- P.BVTV(G.25)

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 04 đến ngày 10 tháng 5 năm 2022)

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Bơ	Sâu ăn lá	quả non	3	7	2	1	0	3	0	3.0		0	TX Buôn Hồ
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai doan		25	7	5	0	12	0	12.0		5	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh	15	30	3	2	0	5	0	5.0		2	Ea Kar
	Bệnh vàng lá, thối rễ	các giai đoạn	15	35	2	1	0	3	0	3.0		2	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	chăm sóc, ra hoa, trái non-Ra đợt non	3 - 8	10 - 25	22.5	4	0	26.5	0	10.5		23	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar
	Bệnh đốm rong (Tảo)	kinh doanh-Các giai đoạn-quả non	3 - 10	6 - 35	11	5	0	16	0	16.0		5	Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-quả non	5	8 - 23	8	1	0	9	0	9.0		2	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
Vải	Rệp sáp	Cac giai doan	10	20	3	2	0	5	0	5.0		2	Ea Kar
	Ruồi đục quả	quar xanh	10	25	3	2	0	5	0	5.0		4	Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua non, xanh	8	20	2	1	0	3	0	3.0		2	Ea Kar
	Sâu đục cuống quả	thu hoạch	1 - 2	5	3	0	0	3	0	3.0		0	Krông Năng
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Bọ xít muỗi	cac giai doan	15	30	6	2	0	8	0	8.0		2	Ea Kar
	Bệnh khô vỏ thân	kinh doanh	8	30	2	2	0	4	0	4.0		2	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	Quả non	5 - 8	7 - 26	35	10	0	45	0	29.0		23	Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin

	Bệnh khô cành	Qua non	2 - 10	4 - 20	22	5	0	27	0	18.0		12	Ea Kar, Krông Búk, TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bệnh gỉ sắt	Quả non	4 - 8	6 - 25	19	5	0	24	0	17.0		7	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Búk
	Mọt đục cành	KTCB-quả non	1 - 8	4 - 25	8	7	0	15	0	15.0		4	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Rệp vảy (xanh, nâu)	các giai đoạn-quả non	6 - 7	12 - 25	9	6	0	15	0	15.0		4	TX Buôn Hồ, Krông Păk
	Bệnh đen hạt	quả non-KTCB	3 - 5	6	2	0	0	2	0	2.0		0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-trái non	5 - 25	10 - 45	30	13	8	51	0	43.0		21	Ea Kar, Krông Búk
	Bọ xít muỗi	Lá, chồi non, KTCB-trái non, chín	5 - 15	10 - 28	23	7	0	30	0	21.0		12	Ea Kar, Krông Búk
	Bọ xít muỗi	Ra đọt non	7 - 10		3	0	0	3	0	0.0		3	Cư Kuin
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	thu hoạch-Chăm sóc sau thu hoạch	2 - 10	7 - 20	64	22	10	96	0	91.0		8	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng, Krông Păk, Krông Búk
	Bệnh chết nhanh	phân hóa mầm hoa	1 - 5	2 - 12	25	12	8	45	0	45.0		4	Buôn Đôn, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Păk
	Bệnh đốm tảo	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	5 - 15	10 - 35	14	5	0	19	0	15.0		9	Ea Kar, Krông Búk
	Tuyến trùng	Chăm sóc sau thu hoạch	6 - 10	15	6	4	0	10	0	9.0		1	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bọ xít lười	Sau thu hoạch	5 - 8	15	5	0	0	5	0	5.0		0	Krông Năng
	Bệnh thán thư	các giai đoạn	5	17	3	1	0	4	0	4.0		3	Krông Păk
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	cây con, phát triển thân lá	5 - 40	70 - 90	8	0	45	53	0	0.0		0	Ea Súp
Nhóm cây: Cây lương thực khác													
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	cay con	15	35	4	2	0	6	0	6.0		6	Ea Kar

	Nhóm cây: Lúa												
Lúa	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Đòng – trổ-chac hạt	1	25	4	3	0	7	0	<i>7.0</i>		3	Ea Kar
	Bệnh đạo ôn lá	chín sáp, thu hoạch	4	6	4	1.5	0	5.5	0	<i>5.5</i>		0	TX Buôn Hồ
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	chín sáp, thu hoạch	3	10	3	2	0	5	0	<i>5.0</i>		0	TX Buôn Hồ
	Sâu đục thân (bông bạc)	chín sáp, thu hoạch	3	5	3	2	0	5	0	<i>5.0</i>		0	TX Buôn Hồ
	Nhóm cây: Rau màu												
Ớt	Bệnh khảm lá VR	các giai đoạn	10	20	2	1	0	3	0	<i>3.0</i>		2	Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua non	10	25	1.5	1	0	2.5	0	<i>2.5</i>		2	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn sinh trưởng	2 - 8	5 - 20	2	1.3	0	3.3	0	<i>3.3</i>		2	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Sâu tơ	Cây con	12	25	1	0.8	0	1.8	0	<i>1.8</i>		2	Ea Kar
	Bọ nhậy	các giai đoạn	3	6	0.5	0	0	0.5	0	<i>0.5</i>		0	TX Buôn Hồ
Rau cải bắp	Sâu khoang	Cây con	5 - 7		1	0	0	1	0	<i>0.0</i>		1	Cư Kuin

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH PHÂN THEO TỪNG HUYỆN
(Từ ngày 04 đến ngày 10 tháng 5 năm 2022)

Cây trồng	Tên huyện	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ
				Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)	
		Nhóm cây: Cây ăn quả											
Bơ	TX Buôn Hồ	Sâu ăn lá	quả non	3%	7%	2	1	0	3	0	3	0	0
Cây có múi	Ea Kar	Sâu vẽ bùa	cac giai doan	10c/m2	25c/m2	7	5	0	12	0	12	0	5
	Ea Kar	Bệnh greening	kinh doanh	15%	30%	3	2	0	5	0	5	0	2
	Ea Kar	Bệnh vàng lá, thối rễ	các giai đoạn	15%	35%	2	1	0	3	0	3	0	2
Sầu riêng	Krông Búk	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	ra hoa, trái non	3 con/m2	10 con/m2	17	0	0	17	0	1	0	17
	Ea Kar	Bệnh đốm rong (Tảo)	kinh doanh	10%	35%	5	3	0	8	0	8	0	3
	Krông Păk	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Ra đợt non	4	21	3	2	0	5	0	5	0	4
	TX Buôn Hồ	Bệnh thán thư	quả non	5%	8%	4	1	0	5	0	5	0	0
	Ea Kar	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Các giai đoạn sinh trưởng	8%	25%	2.5	2	0	4.5	0	4.5	0	2
	Krông Păk	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5	23	4	0	0	4	0	4	0	2
	Krông Păk	Bệnh đốm rong (Tảo)	Các giai đoạn	4	20	3	1	0	4	0	4	0	2
	TX Buôn Hồ	Bệnh đốm rong (Tảo)	quả non	3%	6%	3	1	0	4	0	4	0	0
Vải	Ea Kar	Ruồi đục quả	quar xanh	10%	25%	3	2	0	5	0	5	0	4
	Ea Kar	Rệp sáp	Cac giai doan	10%	20%	3	2	0	5	0	5	0	2
	Ea Kar	Bệnh thán thư	qua non, xanh	8%	20%	2	1	0	3	0	3	0	2
	Krông Năng	Sâu đục cuống quả	thu hoạch	1-2%	5%	3	0	0	3	0	3	0	0

		Nhóm cây: Cây CN lâu năm											
Ca cao	Ea Kar	Bọ xít muỗi	cac giai đoạn	15%	30%	6	2	0	8	0	8	0	2
	Ea Kar	Bệnh khô vỏ thân	kinh doanh	8%	30%	2	2	0	4	0	4	0	2
Cà phê	Krông Búk	Rệp sáp	chăm sóc, trái non	5%	7%	16	0	0	16	0	1	0	12
	Ea Kar	Rệp sáp	qua non	8%	25%	8	5	0	13	0	13	0	5
	Ea Kar	Bệnh khô cành	KTCB,KD	8%	20%	8	3	0	11	0	11	0	5
	Ea Kar	Mọt đục cành	KTCB	8%	25%	5	5	0	10	0	10	0	4
	Ea Kar	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn	8%	25%	6	3	0	9	0	9	0	3
	TX Buôn Hồ	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non	6%	12%	6	3	0	9	0	9	0	0
	Krông Búk	Bệnh khô cành	chăm sóc, trái non	5%	10%	8	0	0	8	0	1	0	5
	TX Buôn Hồ	Bệnh gỉ sắt	quả non	4%	6%	6	2	0	8	0	8	0	0
	TX Buôn Hồ	Rệp sáp	Quả non	5%	8%	5	3	0	8	0	8	0	0
	Krông Búk	Bệnh gỉ sắt	chăm sóc, trái non	7%	12%	7	0	0	7	0	0	0	4
	Krông Păk	Rệp sáp	Trái non	6	26	5	2	0	7	0	7	0	5
	Krông Păk	Rệp vảy (xanh, nâu)	các giai đoạn	7	25	3	3	0	6	0	6	0	4
	TX Buôn Hồ	Bệnh khô cành	quả non	2%	4%	4	2	0	6	0	6	0	0
	TX Buôn Hồ	Mọt đục cành	quả non	1%	4%	3	2	0	5	0	5	0	0
	Cư Kuin	Bệnh khô cành	Qua non	7-10%		2	0	0	2	0	0	0	2
	Krông Năng	Bệnh đen hạt	quả non-KTCB	3-5%	6%	2	0	0	2	0	2	0	0
	Cư Kuin	Rệp sáp	Qua non	5-7%		1	0	0	1	0	0	0	1
Điều	Ea Kar	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	25%	45%	22	13	8	43	0	43	0	15
	Ea Kar	Bọ xít muỗi	Lá,chồi non,KTCB	15%	28%	14	7	0	21	0	21	0	7
	Krông Búk	Bọ xít muỗi	trái non, chín	5%	10%	9	0	0	9	0	0	0	5
	Krông Búk	Bệnh thán thư	trái non	5%	10%	8	0	0	8	0	0	0	6

	Cư Kuin	Bọ xít muỗi	Ra đọt non	7-10%		3	0	0	3	0	0	0	3
Hồ tiêu	Buôn Đôn	Bệnh chết chậm	thu hoạch	5%	7%	45	15	10	70	0	70	0	0
	Buôn Đôn	Bệnh chết nhanh	thu hoạch	3%	5%	18	8	8	34	0	34	0	0
	Ea Kar	Bệnh đốm tảo	các giai đoạn	15%	35%	9	5	0	14	0	14	0	5
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết chậm	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	4%	10%	6	4	0	10	0	10	0	0
	TX Buôn Hồ	Tuyến trùng	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	6%	15%	5	4	0	9	0	9	0	0
	Ea Kar	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	5%	8%	3	2	0	5	0	5	0	2
	Ea Kar	Bệnh chết chậm	kinh doanh	10%	20%	3	2	0	5	0	5	0	2
	Krông Búk	Bệnh đốm tảo	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	5%	10%	5	0	0	5	0	1	0	4
	Krông Năng	Bọ xít lười	Sau thu hoạch - phân hóa mầm hoa	5-8%	15%	5	0	0	5	0	5	0	0
	Krông Păk	Bệnh thán thư	các giai đoạn	5	17	3	1	0	4	0	4	0	3
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết nhanh	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	1%	2%	3	1	0	4	0	4	0	0
	Cư Kuin	Bệnh chết chậm	Chăm sóc sau thu hoạch	5-7%		3	0	0	3	0	0	0	3
	Krông Năng	Bệnh chết chậm	sau thu hoạch - phân hóa mầm hoa	2-5%	7%	3	0	0	3	0	3	0	0
	Krông Păk	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3	13	2	1	0	3	0	3	0	1
	Krông Búk	Bệnh chết chậm	chắc xanh	5%	19%	2	0	0	2	0	0	0	2
	Krông Păk	Bệnh chết nhanh	các giai đoạn	4	12	1	1	0	2	0	2	0	2
	Cư Kuin	Tuyến trùng	Chăm sóc sau thu hoạch	7-10%		1	0	0	1	0	0	0	1
		Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày											
Sắn (Mì)	Ea Súp	Khảm lá virus	cây con, phát triển thân lá	5 - 40%	70 - 90%	8	0	45	53	0	0	0	0

		Nhóm cây: Cây lương thực khác											
Ngô (Bắp)	Ea Kar	Sâu keo mùa thu	cây con	15c/m ²	35c/m ²	4	2	0	6	0	6	0	6
		Nhóm cây: Lúa											
Lúa	Ea Kar	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Đòng – trổ-chac hạt	1%	25%	4	3	0	7	0	7	0	3
	TX Buôn Hồ	Bệnh đạo ôn lá	chín sấp, thu hoạch	4%	6%	4	1.5	0	5.5	0	5.5	0	0
	TX Buôn Hồ	Sâu đục thân (bông bạc)	chín sấp, thu hoạch	3%	5%	3	2	0	5	0	5	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	chín sấp, thu hoạch	3%	10%	3	2	0	5	0	5	0	0
		Nhóm cây: Rau màu											
Ớt	Ea Kar	Bệnh khảm lá VR	các giai đoạn	10%	20%	2	1	0	3	0	3	0	2
	Ea Kar	Bệnh thán thư	qua non	10%	25%	1.5	1	0	2.5	0	2.5	0	2
Rau cải ăn lá	Ea Kar	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn sinh trưởng	8con/m ²	20con/m ²	1	1	0	2	0	2	0	2
	Ea Kar	Sâu tơ	Cây con	12con/m ²	25con/m ²	1	0.8	0	1.8	0	1.8	0	2
	TX Buôn Hồ	Sâu xanh bướm trắng	các giai đoạn	2c/m	5c/m	1	0.3	0	1.3	0	1.3	0	0
	TX Buôn Hồ	Bọ nhảy	các giai đoạn	3 c/m	6 c/m	0.5	0	0	0.5	0	0.5	0	0
Rau cải bắp	Cư Kuin	Sâu khoang	Cây con	5-7con/m ²		1	0	0	1	0	0	0	1